TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2022/HNGĐ-ST
Ngày 24- 02 - 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Sức

2. Bà Lưu Thị Ng Huỳnh

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Tuyết - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2021/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình về *"ly hôn, nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-HN, ngày 21 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* anh Trần Văn H, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp Th 2, thị trấn Chợ M, huyện Chợ M, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* chị Đào Thị Bích Ng, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp Tr 2, xã Tân Tr, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

(Anh H có đơn xin vắng mặt, chị Ng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:

Anh H và chị Ng có tìm hiểu nhau rồi mới tiến đến hôn nhân, thành vợ chồng vào tháng 10/2003, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Chợ Mới (Giấy chứng nhận kết hôn số 187 ngày 13/10/2003). Chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị Ng thường xuyên về nhà thăm cha mẹ ruột và mỗi khi về thì kiếm chuyện cự cãi những chuyện lặt vặt trong cuộc sống hàng ngày, một phần do anh đi ghe thường xuyên nên vợ chồng

tình cảm ngày càng lạnh nhạt, đã ly thân từ năm 2009 đến nay. Yêu cầu được ly hôn với Đào Thị Bích Ng.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Mai Th, sinh ngày 28/07/2006 và Trần Thị Tuyết Nh sinh ngày 07/02/2004. Từ khi ly thân đến nay do anh nuôi dưỡng, giáo dục các con nên yêu cầu được tiếp tục nuôi các con, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung không có. Ngày 14/02/2022, anh H có bản tự khai về việc cháu Nhi đã đủ 18 tuổi và lao động được nên chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được nuôi cháu Thảo, không yêu cầu cấp dưỡng.

Đối với bị đơn: Tòa án đã triệu tập hợp lệ 02 lần để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và 02 lần để xét xử, nhưng bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến.

Tòa án tiến hành xác minh bà Phạm Thị T (mẹ ruột của chị Bích Ng) cho biết: anh H và chị Ng là vợ chồng có đăng ký kết hôn, chung sống được khoảng 6,7 năm thì anh H bỏ nhà đi theo người phụ nữ khác (là vợ trước kia của anh H), vợ chồng Ng ly thân từ năm 2010 đến nay và Ng đi làm ở xa không có ở nhà. Vợ chồng có 02 đứa con chung là Trần Thị Mai Thảo đang đi làm thuê tại Bình Dương và Trần Thị Tuyết Nh đang sống với gia đình bên nội.

Tòa án tiến hành xác minh bà Trần Thị Xuân M (mẹ ruột của anh H) cho biết: vợ chồng H đã ly thân khoảng 12 năm nay do Ng tự ý bỏ nhà đi, bỏ lại 02 đứa con là Trần Thị Mai Th và Trần Thị Tuyết Nh cho H nuôi dưỡng, chăm sóc. H có đi tìm thì được biết Ng đã về nhà mẹ ruột ở Tân Trung, từ đó đến nay Ng không về chung sống lại với H, gia đình hai bên không ai động viên hàn gắn, quá trình chung sống thỉnh thoảng vợ chồng hay cự cãi, H thì đi ghe nửa tháng mới về một lần có lẽ như vậy mà Ng mới bỏ đi. Hiện nay H đang nuôi 02 con chung rất tốt, không có gì ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt của 02 con chung.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân, qua làm việc với ông Lê Thanh D – Phó ấp Trung 2, xã Tân Trung thì ông D cung cấp như sau: Chị Đào Thị Bích Ng, sinh năm 1985, có hộ khẩu tại ấp Trung 2, xã Tân Trung, huyện Phú Tân là con của bà Phạm Thị T. Hiện tại, Ng đi làm thuê, không có ở nhà. Do ít gặp Ng nên không biết Ng và chồng còn chung sống với nhau hay không. Mâu thuẫn gia đình của Ng thì Ban ấp không thể biết.

Tòa án thu thập được ý kiến của cháu Trần Thị Mai Th, Trần Thị Tuyết Nh thể hiện: từ lúc anh H và chị Ng ly thân đến nay, 02 cháu sống với anh H và gia đình bên nội, gắn bó, gần gũi với anh H và được học hành đầy đủ, nguyện vọng của cháu Thảo và cháu Nhi là được sống với anh H và gia đình bên nội.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Đào Thị Bích Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham dự phiên tòa, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Qua đó, cho thấy bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm giải quyết vụ án: Hôn nhân giữa anh Trần Văn H và chị Đào Thị Bích Ng có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng đến năm 2009 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi. Ly thân từ năm 2009 cho đến nay. Cho thấy hôn nhân của anh chị mâu thuẫn trầm trọng, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Trần Văn H được ly hôn chị Đào Thị Bích Ng. Về con chung: anh H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu giải quyết đối với cháu Trần Thị Tuyết Nh do đến thời điểm xét xử cháu Nh đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) và tự lập được là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên có căn cứ chấp nhận. Từ khi ly thân đến nay, cháu Trần Thị Mai Th đã sống chung với anh H, được anh H và gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với cha và gia đình bên nội. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của cháu, cần giao cháu Thảo cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Ng không phải cấp dưỡng nuôi con. Chia tài sản và nợ chung không có, không xem xét; về án phí, anh H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn có nơi cư trú tại xã Tân Trung, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết vụ án dân sự về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình về *"ly hôn, nuôi con khi ly hôn*" là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] *Về nội dung:*

[3.1] *Về yêu cầu ly hôn:* Mối quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị Ng được xác lập trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống hôn nhân vợ chồng nếu muốn có được hạnh phúc dài lâu và đạt được mục đích thì vợ chồng phải bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ, phải biết thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau nhưng anh H và chị Ng đã ly thân một thời gian dài không sống cùng nhau, trong quá trình tiến hành tố tụng Tòa án đã triệu tập chị Ng để tham gia hòa giải 02 lần và trong suốt quá trình giải quyết vụ án chị Ng đều không đến, anh H cương quyết yêu cầu ly hôn với chị Ng, nên có căn cứ xác định anh H và chị Ng không còn quan tâm đối với mối quan hệ hôn nhân này, nếu tiếp tục duy trì thì sẽ không đảm bảo hạnh phúc nên cần chấp nhận cho anh H được ly hôn với chị Ng là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:*

Quá trình chung sống, anh H và chị Ng có 02 con chung tên Trần Thị Tuyết Nh sinh ngày 07/02/2004 và Trần Thị Mai Th, sinh ngày 28/07/2006. Từ khi ly thân đến nay do anh H nuôi dưỡng, giáo dục các con. Đến thời điểm xét xử, cháu Nhi đã đủ 18 tuổi và lao động được nên anh H chỉ yêu cầu được nuôi cháu Thảo, không yêu cầu cấp dưỡng. Việc anh H thay đổi yêu cầu không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Thảo hiện đang sống chung anh H, được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, phát triển ổn định và có nguyện vọng được sống với anh H. Do chị Ng vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được yêu cầu của chị về việc nuôi con cũng như việc cấp dưỡng. Để đảm bảo môi trường phát triển của con được ổn định, thuận lợi trong việc học tập, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, cần tiếp tục giao cháu Thảo cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên chị Ng không phải cấp dưỡng nuôi con. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung: Anh H xác định không có nên Hội đồng xét xử không

xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Ghi nhận anh H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Anh H phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Ng không phải chịu án phí hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 238, Điều 244, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn H.

1. Về hôn nhân: anh Trần Văn H được ly hôn với chị Đào Thị Bích Ng.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Mai Thảo, sinh ngày 28/07/2006 cho anh Trần Văn H tiếp tục nuôi dưỡng đến thành niên và tự lập được, chị Đào Thị Bích Ng không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Ng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, anh H cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Ng trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu chị Ng lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị Ng.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không.

4. Về nợ chung: Ghi nhận anh H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ

chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Trần văn H phải chịu 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0002340 ngày 05/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Chị Đào Thị Bích Ng không phải chịu án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Ủy ban nhân dân TT Chợ Mới;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhung